

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp;
giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin
tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
làm đại diện chủ sở hữu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh
tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính
phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại
doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính
phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh
giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà
nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính
phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước
vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai
thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh
nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số
91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày
08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020
và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;*

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4023/STC-QLG-CS&TCDN ngày 06 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Cần Thơ; Người quản lý tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND TP;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VPBQPPL - Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN TPCT và các đoàn thể TP;
- Sở, ban ngành TP;
- Kho bạc Nhà nước Cần Thơ;
- UBND quận, huyện;
- Công TTĐT TPCT;
- Công báo thành phố;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT. NNQ *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển

QUY CHẾ

Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính,
đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính
của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp
có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
làm đại diện chủ sở hữu

(Kèm theo Quyết định số 28 /2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023
của UBND thành phố Cần Thơ)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ làm đại diện chủ sở hữu (gọi tắt là doanh nghiệp có vốn nhà nước).
- Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Công ty TNHH NN MTV xổ số kiến thiết Cần Thơ thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Chương II GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 3. Chủ thể giám sát

Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch giám sát hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính công bố hàng năm.

Điều 4. Nội dung giám sát

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 5. Tổ chức giám sát

Doanh nghiệp lập báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp theo biểu mẫu quy định khoản 2 Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp, Sở Tài chính tổng hợp và lập báo cáo kết quả giám sát tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

Chương III

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Mục 1

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 6. Kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 36/2021/TT-BTC.

2. Kế hoạch tài chính

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực và nhu cầu thị trường, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch Công ty phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch Công ty quyết định, doanh nghiệp thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Kế hoạch tài chính được lập theo biểu mẫu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 36/2021/TT-BTC;

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến chính thức bằng văn bản đề doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 7. Kế hoạch giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và các nội dung giám sát theo quy định, Sở Tài chính lập kế hoạch giám sát tài chính (bao gồm kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài chính đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ). Kế hoạch giám sát phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát đối với mỗi doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và công bố trước ngày 31 tháng 01 hàng năm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Mục 2

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 8. Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Chủ thể giám sát

a) Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát tài chính, tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Nội dung, căn cứ thực hiện giám sát tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

3. Phương thức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4. Tổ chức giám sát

a) Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (Báo cáo đánh giá tình hình tài chính) như sau:

Nội dung báo cáo: Doanh nghiệp lập báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC; đồng thời lập

báo cáo theo các Biểu số: 02.A, 02.B, 02.C, 02.D và 02.Đ ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Thời hạn nộp báo cáo: Doanh nghiệp nộp báo cáo đánh giá tình hình tài chính về Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Căn cứ báo cáo đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 4 Điều 8 Quy chế này và các tài liệu khác có liên quan, Sở Tài chính kiểm tra, lập các báo cáo sau:

Báo cáo giám sát tài chính: Báo cáo giám sát tài chính được lập cho từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này. Trong đó, phải đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: an toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính; các kiến nghị đối với từng doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả giám sát tài chính: Trên cơ sở báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Sở Tài chính tổng hợp và lập báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; đồng thời lập báo cáo theo Biểu số 03 và 03.A ban hành kèm theo Thông tư số 77/2021/TT-BTC trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để gửi cho Bộ Tài chính kèm theo Báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp.

Thời hạn nộp báo cáo (gồm báo cáo kết quả giám sát tài chính, báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp nhà nước): Trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Điều 9. Giám sát tài chính đối với các công ty con, công ty liên kết

1. Chủ thể giám sát

a) Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với các công ty con, công ty liên kết;

b) Giao Sở Tài chính thực hiện giám sát gián tiếp đối với các công ty con, công ty liên kết quan trọng của doanh nghiệp thông qua công ty mẹ.

2. Đối tượng giám sát

a) Đối tượng do công ty mẹ thực hiện giám sát theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy chế này bao gồm toàn bộ các công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;

b) Đối tượng do Sở Tài chính thực hiện giám sát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này bao gồm: Công ty con doanh nghiệp; Công ty liên kết quan trọng của doanh nghiệp.

Việc xác định công ty liên kết quan trọng do công ty mẹ lựa chọn theo một trong các tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, báo cáo danh sách cho Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

3. Nội dung giám sát

a) Đối với công ty con

Công ty mẹ thực hiện giám sát công ty con trên cơ sở tham khảo các nội dung giám sát quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Giao Sở Tài chính phối hợp với công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính công ty con theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

b) Đối với công ty liên kết

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4. Phương thức giám sát

a) Giao Sở Tài chính thực hiện giám sát gián tiếp công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp.

b) Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính các công ty con, công ty liên kết bằng phương thức giám sát trực tiếp, gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau, trong đó tập trung vào việc giám sát gián tiếp.

c) Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định thực hiện hình thức giám sát trực tiếp tại công ty mẹ hoặc công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Tổ chức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

6. Chế độ báo cáo

a) Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng các biểu mẫu để thực hiện giám sát tài chính các công ty con, công ty liên kết theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

b) Công ty mẹ lập báo cáo tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết quan trọng theo Biểu số 02.B ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Điều 10. Giám sát vốn của doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài

1. Chủ thể giám sát

a) Công ty mẹ thực hiện giám sát hoạt động đầu tư ra nước ngoài của công ty mẹ, công ty con, công ty do công ty mẹ và công ty con góp vốn (thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2010);

b) Giao Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân thành phố giám sát các dự án đầu tư ra nước ngoài có vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua công ty mẹ.

2. Đối tượng giám sát

Đối tượng giám sát là toàn bộ các dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm các dự án của công ty mẹ, công ty con, và dự án do công ty mẹ và công ty con góp vốn thành lập.

3. Nội dung giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

4. Căn cứ và phương thức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

5. Chế độ báo cáo

Doanh nghiệp lập báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài theo biểu mẫu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

6. Tổ chức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Mục 3

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 11. Các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp có một trong những dấu hiệu mất an toàn tài chính được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đưa doanh nghiệp vào diện giám sát tài chính đặc biệt hay tiếp tục thực hiện giám sát tài chính theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Điều 12. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp.

2. Quyết định giám sát chính đặc biệt bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Điều 13. Trách nhiệm của Chủ tịch và Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt

1. Chủ tịch và Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính theo biểu mẫu như đối với các doanh nghiệp khác được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Thời hạn báo cáo

Đối với báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo, báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo và báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Mục 4

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI
DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

Điều 14. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 15. Căn cứ đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và căn cứ vào Kế hoạch tài chính hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho từng doanh nghiệp.

Điều 16. Phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động và kết quả xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 17. Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Điều 14 Quy chế này tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hàng năm, lập và gửi báo cáo theo Biểu số 05.A ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo để thẩm định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện pháp luật hàng năm của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với lĩnh vực mình quản lý để thực hiện lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính lấy ý kiến trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

4. Đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng tổ chức kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ một số vấn đề làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh thì doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm giải trình cụ thể trong Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gửi Sở Tài chính.

Chương IV

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 18. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước.

2. Sở Tài chính là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp báo cáo giám sát đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 19. Nội dung giám sát

1. Đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nội dung giám sát được quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ, nội dung giám sát được quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 20. Phương thức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Điều 21. Chế độ báo cáo giám sát tài chính

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều

33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính.

Báo cáo giám sát tài chính sáu (06) tháng gửi trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo giám sát tài chính năm gửi trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Người đại diện lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính.

Báo cáo giám sát tài chính sáu (06) tháng gửi trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo giám sát tài chính năm gửi trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

3. Báo cáo kết quả giám sát tài chính

Căn cứ báo cáo giám sát của Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở Tài chính lập báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng doanh nghiệp có vốn nhà nước; tổng hợp, lập báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo sáu (06) tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Điều 22. Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Chương V

CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 23. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện công khai thông tin tài chính phải đảm bảo các mục đích và yêu cầu được quy định tại Điều 38 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

2. Công khai thông tin tài chính theo định kỳ

a) Nội dung công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP;

b) Phương thức công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

3. Công khai thông tin tài chính bất thường

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện công khai thông tin tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 24. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp có vốn nhà nước

Các Công ty cổ phần có vốn nhà nước thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Chủ tịch, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố làm đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành để xây dựng và thực hiện Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với công ty con và công ty liên kết.

3. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước

a) Chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các vấn đề có khả năng gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính để xem xét xử lý.

4. Đối với các cơ quan liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Thanh tra thành phố, Cục Thuế thành phố Cần Thơ định kỳ hàng năm có thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính đối với các doanh nghiệp có vi phạm về thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước theo các lĩnh vực trước ngày 30 tháng 3 năm tiếp theo:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật, việc thực hiện chiến lược, các kế hoạch, các dự án đầu tư của doanh nghiệp;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đánh giá tình hình thực hiện chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp; tình hình thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người quản lý và người lao động trong doanh nghiệp;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đánh giá tình hình chấp hành chế độ chính sách, pháp luật, hiệu quả đầu tư vốn vào doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp;



d) Sở Nội vụ: Đánh giá đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tại các doanh nghiệp;

đ) Thanh tra thành phố: Đánh giá các sai phạm (nếu có) việc thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu;

e) Cục Thuế thành phố: Đánh giá tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về thuế, các khoản thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo khác, xử lý vi phạm về pháp luật thuế (nếu có) của doanh nghiệp.

5. Tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào cơ chế giám sát tài chính doanh nghiệp quy định tại Quy chế này để tổ chức thực hiện giám sát các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý.

6. Những nội dung chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

7. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Tài chính) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.